

<p><b>E-ĐKC 10</b></p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>*) Tạm ứng: Tạm ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày, trên cơ sở bên B xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị tạm ứng của nhà thầu</li> <li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện, không hủy ngang của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương.</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.</li> </ul> <p>*) Thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh toán: 70% giá trị hợp đồng (hoặc 90% giá trị hợp đồng trong trường hợp nhà thầu không tạm ứng) khi sản phẩm tư vấn của hợp đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nghiệm thu theo qui định.</li> <li>* Tiền giữ lại: Bên A sẽ giữ lại 10% giá trị hợp đồng. Khoản tiền này sẽ được thanh toán cho bên B khi có xác nhận quyết toán công trình hoàn thành của Chủ đầu tư và thanh lý hợp đồng.</li> <li>- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày kể từ khi chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, đủ chứng từ theo qui định:</li> <li>- Công văn đề nghị thanh toán của nhà thầu</li> <li>- Hồ sơ tài liệu trong quá trình thực hiện</li> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.</li> <li>- Biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm tư vấn hoàn thành.</li> <li>- Biên bản nghiệm thu thanh toán.</li> <li>- Quyết định phê duyệt sản phẩm tư vấn của cấp có thẩm quyền.</li> <li>- Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 12</b></p>	<p>Thời gian thực hiện gói thầu: Không quá <b>90 ngày</b> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (không bao gồm thời gian thẩm định phê duyệt hồ sơ tư vấn của Chủ đầu tư và của các cấp có thẩm quyền).</p> <p>Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng.</p>

<p><b>E-ĐKC 17</b></p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : “Áp dụng”</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá : <i>[Ghi cụ thể số tiền tối đa. Tính bằng 12% giá gói thầu khi lập HSMT]</i>. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu</p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu</p> <p>Quy định chi tiết: Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Tạm tính theo giá gói thầu là <i>[Ghi cụ thể số tiền. Tính bằng 12% giá gói thầu khi lập HSMT]</i> đồng. Nội dung này sẽ được xác định lại khi hoàn thiện ký kết hợp đồng là “Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm”.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”.</p> <p><i>Quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></li> <li>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.</i></li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 19.1</b></p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B. Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng này, Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa sai sót đó.</li> <li>- Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho Bên B khi phát hiện Bên B lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt</li> </ul>

	<p>hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B vẫn không thể thực hiện được dịch vụ.</li> <li>- Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng;</li> </ul> <p>Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo khoản 1 điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<b>E-ĐKC 22.2</b>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng.</li> <li>- Giải quyết tranh chấp:</li> </ul> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại toà án do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của toà án là phán quyết cuối cùng mà các bên phải tuân thủ.</p> <p>Nhà thầu có thời hạn 7 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được toà án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>